

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Lệ Hồng
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 N 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 N 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 N 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc L, sinh N 1977;

Nơi cư trú: ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Cao Văn N, sinh N 1979;

Nơi cư trú: ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Ngọc L trình bày:

Bà và ông Cao Văn N sống chung như vợ chồng từ năm 2007. Đến năm 2012 sinh con đầu tiên nên bà và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 18/7/2014.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng cùng chung sống với gia đình cha mẹ chồng tại ấp T1, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống không hợp với mẹ

chồng nên bà thuê nhà sống riêng ở ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre từ năm 2013 cho đến nay.

Nguyên nhân bà xin ly hôn với ông N là do ông N chơi bời, gây nợ, nhậu nhẹt về chửi bới, đánh đập bà, ghen tuông vô cớ, xúc phạm, nói xấu bà với mọi người xung quanh.

Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với ông N nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 người con chung tên là Cao Ngọc H, sinh ngày 22/8/2012 và Cao Thanh N1, sinh ngày 19/7/2013, hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu hai con chung giao cho bà được trực tiếp nuôi, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cao Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày trong quá trình tố tụng như sau:

Ông thống nhất như lời trình bày của bà L về điều kiện, hoàn cảnh tiến đến hôn nhân, việc đăng ký kết hôn và quá trình chung sống.

Tuy nhiên, nguyên nhân ly hôn mà bà L trình bày là không hoàn toàn đúng, ông thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, lỗi của ông cũng có mà từ bà L cũng có chứ không phải hoàn toàn do ông. Nay bà L xin ly hôn thì ông không đồng ý, khi nào giao hai con chung cho ông trực tiếp nuôi thì ông mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà L có 02 người con chung tên là Cao Ngọc H, sinh ngày 22/8/2012 và Cao Thanh N1, sinh ngày 19/7/2013, hiện đang sống chung với bà L. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Ngọc L. Về hôn nhân: Bà Võ Ngọc

L được ly hôn với ông Cao Văn N. Về con chung: Giao hai con chung cháu Cao Ngọc H, sinh ngày 22/8/2012 và cháu Cao Thanh N1, sinh ngày 19/7/2013 cho bà L trực tiếp nuôi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Võ Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Cao Văn N và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Cao Văn N có nơi cư trú tại ấp V, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật của vụ án và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Ngọc L, Hội đồng xét xử nhận định: Bà L và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 18/7/2014. Hôn nhân của bà L và ông N được xác lập trên tinh thần tự nguyện, tuân thủ đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa bà L và ông N phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi thậm chí xảy ra xô xát, đánh nhau. Bà L cho rằng tình trạng này đã kéo dài nhiều năm, bà đã bỏ qua cho ông N nhiều lần nhưng ông N vẫn không thay đổi nên nay bà kiên quyết xin ly hôn, không thể hàn gắn với ông N được nữa. Ông N thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà L giao hai con chung cho ông trực tiếp nuôi. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa vợ chồng phải có sự thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau... nhưng giữa bà L và ông N đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài không thể khắc phục, giữa bà L và ông N lại xảy ra việc vi phạm về nghĩa vụ của vợ chồng như chửi bới, xúc phạm, đánh nhau ... Hơn nữa, căn cứ cho ly hôn không phải ở vấn đề ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, lời trình bày của ông N không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của bà L và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét về con chung: Bà L và ông N có hai người con chung tên là Cao Ngọc H, sinh ngày 22/8/2012 và Cao Thanh N1, sinh ngày 19/7/2013, hiện đang

sống chung với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu hai con chung giao cho bà được trực tiếp nuôi, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con. Do hai cháu từ nhỏ đến nay đều sống gần gũi với mẹ, đang được chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành ổn định. Các cháu đều có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ. Mặt khác, ông N trình bày trong quá trình tố tụng nếu ông nuôi con thì ông gửi các con ở nhờ nhà của anh chị nên sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, học hành ... của các cháu. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của các con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho hai con chung. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà L, phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà L và ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Ngọc L có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc L, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc L được ly hôn với ông Cao Văn N.

Về con chung: Cao Ngọc H, sinh ngày 22/8/2012 và Cao Thanh N1, sinh ngày 19/7/2013, giao cho bà Võ Ngọc L trực tiếp nuôi, ghi nhận bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay

đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Võ Ngọc L và ông Cao Văn N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Võ Ngọc L và ông Cao Văn N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí:

Án phí đối với yêu cầu ly hôn: Bà Võ Ngọc L có nghĩa vụ chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001592 ngày 09 tháng 12 N 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (4b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kim Ngân